TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/DS-PT
Ngày: 12-3-2019
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Võ Minh Tiến

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Năm

Ông Trần Mười

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Thanh Tân- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Đào- Kiểm sát viên.

Ngày 12/3/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2019/TLPT-DS ngày 28/01/2019, về *"Tranh chấp đòi lại tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 41/2018/DSST ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 41/2019/QĐ-PT ngày 25/02/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê M, sinh năm 1930 và bà Đỗ Thị L, sinh năm 1932;

Cư trú tại: Thôn A, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê M: Ông Võ Thanh Tr, trú tại: Tổ dân phố 1, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đỗ Thị L: Bà Lê Thị Hồng D, trú tại: Tổ 18, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thới Nh, sinh năm 1958 và bà Lê Thị L1, sinh năm 1962;

Cùng trú tại: Thôn A, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Thới V, sinh năm 1981;

Trú tại: Thôn A, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Anh Võ Thanh T, sinh năm 1988;

Trú tại: Tổ dân phố 1, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Thới Nh, bà Lê Thị L1.

Ông Võ Thanh Tr, bà Lê Thị Hồng D, ông Nguyễn Thới Nh, bà Lê Thị L1 có mặt. Anh Nguyễn Thới V, anh Võ Thanh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21/3/2018, đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai và tại phiên tòa bà Lê Thị Hồng D và ông Võ Thanh Tr là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông M và bà L có đưa cho vợ chồng bà Lê Thị L1, ông Nguyễn Thới Nh 80.000.000 đồng để gửi tiết kiệm, đưa cho chị L1 01 lượng vàng 4 số 9 để lo giỗ chạp sau này và cho chị L1 mượn 02 chỉ vàng 24 k để trả cho anh Nguyễn Thới H khi anh H mua đất làm nhà; ngoài ra năm 2005 khi ông M làm Chủ tịch Mặt trận xã Phổ Nhơn, ông M không có điều kiện chăn nuôi ba con bò nên có giao cho vợ chồng ông Nh, bà L1 3 con bò, trong đó một con nghé nhỏ, hai con bò cày (một con đực, một con cái) việc giao bò có các con trong gia đình đều biết. Tuy nhiên, tháng chạp vừa qua bà L1, ông Nh tuyên bố trả di chúc không chăm lo cho mẹ già lúc ốm đau và không lo cúng giỗ nên ông M yêu cầu vợ chồng bà L1 phải trả 80.000.000 đồng tiền gửi tiết kiệm, 01 lượng vàng 4 số 9, 02 chỉ vàng 24 k và trị giá 3 con bò 20.000.000 đồng. Đối với đất đai: hai thửa đất ruộng tại thửa 636 tờ bản đồ số 32, thửa 57 tờ bản đồ số 42 xã Phổ Nhơn; 2000m^2 đất sản xuất tại đồng Trảng, 500 m^2 đất tại rừng Tú, 500m^2 đất tại sông Bờ Lát xã Phổ Nhơn không yêu cầu Tòa giải quyết.

Đối với số tiền 73.000.000 đồng mà ông Nh cho rằng đã chi tiền để sửa chữa nhà cho vợ chồng ông M là không có, tiền chi phí sửa chữa nhà là do bà L đưa tiền cho ông Nh để trả tiền thợ và vật liệu xây dựng. Đối với phần tài sản trong nhà ông Nh đòi gồm 01 ti vi trị giá 1.000.000 đồng và cái chảo kỹ thuật số trị giá 1.000.000 đồng, bộ bàn tròn inox 10 cái ghế trị giá 2.200.000 đồng, 1 bàn vuông inox trị giá 600.000 đồng. Tuy nhiên, trừ chiếc tivi do ông Nh tự mang sang, còn lại những thứ khác do bà L đưa tiền cho ông Nh mua. Các chi phí tiền công làm nhà, công lao động, công chăm sóc, lo ốm đau ông M, bà L, chi phí cúng giỗ, một tháng 300.000 đồng, tính từ tháng 01/1998 đến tháng 12/2017 tổng cộng 68.400.000 đồng, ông M, bà L không đồng ý.

Tại bản tự khai, đơn yêu cầu phản tố ngày 03/6/2018 và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Thới Nh, bà Lê Thị L1 trình bày:

Vợ chồng bà L1, ông Nh thừa nhận có nhận 80.000.000 đồng để gửi tiết kiệm cho ông M, còn 01 lượng vàng 4 số 9 là do bà L cho bà L1 từ rất lâu, đối với 2 chỉ vàng 24 k bà L1 không có mượn, ba con bò ông M tự chăn nuôi không có giao cho bà L1 nên vợ chồng bà không đồng ý trả 01 lượng vàng 4 số 9, 02 chỉ

vàng 24 k, trị giá ba con bò. Ngoài ra, về chi phí sửa chữa nhà của ông M gồm lát gạch, sơn, sửa nhà trên, nhà dưới chi phí 30.000.000 đồng, làm bếp nấu 18.000.000 đồng, làm hàng rào cổng ngõ 25.000.000 đồng, tổng cộng 73.000.000 đồng; chi phí này do vợ chồng bà đã chi phí nên vợ chồng bà yêu cầu vợ chồng ông M phải trả cho vợ chồng bà 73.000.000 đồng và tiền mua sắm các vật dụng trong nhà trừ 1 bàn vuông inox trị giá 600.000 đồng do vợ chồng con trai bà là anh V, chị H mua sau đó bà L trả lại nên số tiền này vợ chồng bà không đòi, còn lại 1 ti vi trị giá 1.000.000 đồng và cái chảo kỹ thuật số trị giá 1.000.000 đồng, bộ bàn tròn inox 10 cái ghế trị giá 2.200.000 đồng do ông Nh mua nên vợ chồng ông yêu cầu vợ chồng ông M phải thanh toán lại; ngoài ra sau khi ông M viết di chúc, vợ chồng bà đã chăm lo, lao động phụ giúp cho vợ chồng ông M, lo cúng giỗ, tính trung bình một tháng 300.000 đồng, tính từ tháng 01/1998 đến tháng 12/2017 tổng cộng 68.400.000 đồng, vợ chồng bà yêu cầu vợ chồng ông M tính để trả cho vợ chồng bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Võ Thanh T và anh Nguyễn Thới V không tranh chấp đối với yêu cầu của nguyên đơn và bị đơn.

Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2018/DSST ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ đã tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Thới Nh, bà Lê Thị L1 phải trả cho ông Lê M, bà Đỗ Thị L 80.000.000 đồng *(tám mươi triệu đồng)* và một lượng vàng 4 số 9.

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đòi lại quyền sử dụng đất hai thửa đất ruộng tại thửa 636 tờ bản đồ số 32, thửa 57 tờ bản đồ số 42 xã Phổ Nhơn; 2000 m^2 đất sản xuất tại đồng Trảng, 500 m^2 đất tại rừng Tú, 500 m^2 đất tại sông bờ Lát xã Phổ Nhơn.

- Bác yêu cầu của nguyên đơn về việc đòi vợ chồng ông Nguyễn Thới Nh, bà Lê Thị L1 phải trả 2 chỉ 24k và trị giá ba con bò 20.000.000 đồng.

- Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn, buộc ông Lê M, bà Đỗ Thị L phải trả cho ông Nguyễn Thới Nh, bà Lê Thị L1 một chiếc ti vi 16 in hiệu Sony trị giá 1.000.000 đồng.

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đòi lại tiền mua một bàn vuông inox giá 600.000đồng.

- Bác yêu cầu của bị đơn về việc đòi vợ chồng ông Lê M, bà Đỗ Thị L phải trả tiền chi phí sửa chữa nhà 73.000.000 đồng, tiền công chăm sóc, tiền công lao động, lo cúng giỗ 68.400.000 đồng và tiền mua cái chảo kỹ thuật số trị giá 1.000.000 đồng, một bộ bàn tròn inox 10 cái ghế trị giá 2.200.000 đồng.

- Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.000.000 đồng nguyên đơn tự nguyện chịu nên Tòa không xem xét giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Các ngày 11/12/2018, 01/01/2019, ông Nguyễn Thới Nh và bà Lê Thị L1 có đơn kháng cáo, đơn kháng cáo bổ sung với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Xem xét lại tiền chi phí sửa chữa nhà 73.000.000đ và tiền công chăm sóc, tiền công lao động mà vợ chồng ông Lê M, bà Đỗ Thị L phải trả cho ông, bà; Xem xét lại 01 lượng vàng đã cho bà L1.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi:

- Về chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, thư ký Hội đồng xét xử chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng.

- Về nội dung kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Thới Nh, bà Lê Thị L1: Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại chi phí sửa chữa nhà 73.000.000đ và 01 cây vàng, yêu cầu vợ chồng ông M trả 68.400.000đ là số tiền vợ chồng ông, bà chăm sóc, giúp đỡ vợ chồng ông M trong thời gian 19 năm (từ năm 1998 đến năm 2017). Xét kháng cáo của bị đơn thì thấy, bị đơn không đưa ra được chứng cứ để chứng minh cho các nội dung kháng cáo của mình, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, tuyên giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Xét kháng cáo của bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Thới Nh, bà Lê Thị L1 thì thấy:

- Vợ chồng ông Nh khai đã sử dụng số tiền 80.000.000đ của vợ chồng ông M để sửa chữa nhà, làm bếp 03 lần tổng cộng số tiền là 73.000.000đ. Tuy nhiên, số tiền 80.000.000đ của vợ chồng ông Lê M gửi cho vợ chồng ông Nguyễn Thới Nh, bà Lê Thị L1 là để gửi tiết kiệm, không phải gửi để làm nhà. Vợ chồng ông M không thừa nhận vợ chồng ông Nh tự bỏ tiền làm nhà, cũng không thừa nhận ông Nh sử dụng tiền gửi tiết kiệm để sửa nhà, ông Lê M khai tiền sửa chữa nhà và làm bếp là của vợ chồng ông giao cho ông Nh mang trả cho thợ và người bán vật liệu xây dựng. Trong Di chúc vợ chồng ông M sẽ giao ngôi nhà cho vợ chồng bà L1, nhưng vợ chồng ông M còn sống nên di chúc chưa phát sinh hiệu lực, thực tế vợ chồng bà L1 cũng chưa được quyền quản lý ngôi nhà nên không thể vợ chồng bà L1 bỏ tiền sửa chữa làm nhà. Ngoài ra, bên bị đơn cũng không chứng minh được số tiền là của bị đơn bỏ ra, nên không chấp nhận nội dung kháng cáo yêu cầu vợ chồng ông M trừ số tiền làm nhà cho vợ chồng ông Nh số tiền là 73.000.000đ.

- Đối với 01 cây vàng thì bị đơn khai bà L đưa để bù vào việc khi bà L1 đi lấy chồng một mình không được gia đình quan tâm, nhưng xét đây là số vàng sở hữu của vợ chồng ông M không phải của cá nhân bà L nên bà L không thể tự quyết định, nay ông M đòi vợ chồng bà L1 phải trả 01 cây vàng, nên bản án sơ thẩm buộc vợ chồng bà L1 phải trả 01 cây vàng cho vợ chồng ông M là phù hợp, do đó không chấp nhận kháng cáo của vợ chồng ông Nh yêu cầu Tòa án bác yêu cầu của vợ chồng ông M đòi vợ chồng ông Nh 01 cây vàng 24k.

- Về nội dung yêu cầu tính công sức của vợ chồng bị đơn 19 năm lao động chăm sóc, giúp đỡ vợ chồng ông M từ năm 1998 đến năm 2017, với số tiền là 68.400.000đ, trung bình 01 tháng là 300.000đ. Vợ chồng ông M không thừa nhận vợ chồng ông Nh chăm sóc, giúp đỡ, các nhân chứng đều xác nhận vợ chồng ông M tự lực tất cả mọi công việc. Mặt khác, theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình thì việc chăm sóc cha mẹ là nghĩa vụ của con cái, việc chăm sóc nếu có cũng không thể tính được bằng tiền, số tiền của bị đơn đưa ra cũng không có căn cứ. Do đó, không chấp nhận nội dung kháng cáo này của bị đơn.

[2] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ nội dung đơn kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ, nhưng ông Nguyễn Thới Nh là người cao tuổi được miễn án phí nên không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm phần của mình, bà Lê Thị L1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 150.000đ.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 166, 462 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 71 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Thới Nh, bà Lê Thị L1.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 41/2018/DS-ST ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ về việc tranh chấp đòi lại tài sản.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Thới Nh, bà Lê Thị L1 phải trả cho ông Lê M, bà Đỗ Thị L 80.000.000 đồng *(tám mươi triệu đồng)* và một lượng vàng 4 số 9.

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đòi lại quyền sử dụng đất hai thửa đất ruộng tại thửa 636 tờ bản đồ số 32, thửa 57 tờ bản đồ số 42 xã Phổ Nhơn; 2000 m^2 đất sản xuất tại đồng Trảng, 500 m^2 đất tại rừng Tú, 500 m^2 đất tại sông bờ Lát xã Phổ Nhơn.

- Bác yêu cầu của nguyên đơn về việc đòi vợ chồng ông Nguyễn Thới Nh, bà Lê Thị L1 phải trả 2 chỉ 24k và trị giá ba con bò 20.000.000 đồng.

- Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn, buộc ông Lê M, bà Đỗ Thị L phải trả cho ông Nguyễn Thới Nh, bà Lê Thị L1 một chiếc ti vi 16 in hiệu Sony trị giá 1.000.000 đồng.

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đòi lại tiền mua một bàn vuông inox giá 600.000đồng.

- Bác yêu cầu của bị đơn về việc đòi vợ chồng ông Lê M, bà Đỗ Thị L phải trả tiền chi phí sửa chữa nhà 73.000.000 đồng, tiền công chăm sóc, tiền công lao động, lo cúng giỗ 68.400.000 đồng và tiền mua cái chảo kỹ thuật số trị giá 1.000.000 đồng, một bộ bàn tròn inox 10 cái ghế trị giá 2.200.000 đồng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị L1 phải chịu 6.497.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào 3.655.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí sốAA/2016/0001450 ngày 13 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi; Bà L1 còn phải nộp 2.842.500 đồng *(hai triệu tám trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm đồng)*.

- Về án phí dân sự phúc thẩm:

+ Ông Nguyễn Thới Nh được miễn nộp tiền án phí phúc thẩm.

+ Bà Lê Thị L1 phải chịu 150.000đ được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai số AA/2016/0001638 ngày 02/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Phổ. Còn lại 150.000đ được trừ vào án phí dân sự sơ thẩm bà Lê Thị L1 phải chịu.

- Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.000.000 đồng nguyên đơn tự nguyện chịu nên Tòa không xem xét giải quyết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND, VKSND huyện Đức Phổ;
- Chi cục THADS huyện Đức Phổ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ; Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Minh Tiến